

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2167/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc,
huyện Ngân Sơn giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2693/TTr-SXD ngày 21 tháng 11 năm 2024, Báo cáo kết quả thẩm định số 1886/BCTĐ-SXD ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050.

2. Địa điểm quy hoạch, phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch

- Địa điểm: Thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.
- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch và lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn với diện tích khoảng 6.278ha.
- Ranh giới lập quy hoạch:
 - + Phía Bắc: Giáp xã Trung Hòa, thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn.
 - + Phía Đông: Giáp các xã Thuần Mang, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn.
 - + Phía Nam: Giáp xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn và xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể.
 - + Phía Tây, Tây Bắc: Giáp xã Hà Hiệu, xã Chu Hương, huyện Ba Bể.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ

- Giai đoạn quy hoạch: 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050.
- Tỷ lệ bản đồ: 1/5.000.

4. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo phương án phát triển mạng lưới đô thị đến năm 2030, thị trấn Nà Phặc là đô thị loại V.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai và hệ thống cơ sở hạ tầng; quy hoạch xây dựng đô thị đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu về kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển bền vững. Tổ chức không gian đô thị và định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai; quy hoạch các khu chức năng đô thị đáp ứng nhu cầu phát triển, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Đề xuất những nội dung đầu tư xây dựng đồng bộ cho kế hoạch giai đoạn 2021 - 2030 và định hướng đến năm 2050; xác định các dự án và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

- Làm cơ sở lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị, lập đồ án quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư xây dựng, làm công cụ để quản lý, điều tiết các hoạt động xây dựng và phát triển đô thị theo đồ án được phê duyệt.

5. Tính chất, chức năng, động lực phát triển đô thị

- Tính chất: Là trung tâm về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, là đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ngân Sơn và vùng liên huyện phía Bắc của tỉnh.

- Chức năng: Là thị trấn khu vực trực thuộc huyện Ngân Sơn, là trung tâm tiểu vùng phía Nam của huyện Ngân Sơn.

- Động lực phát triển: Thị trấn Nà Phặc là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và của vùng Đông Bắc; khai thác, chế biến khoáng sản, phát triển công nghiệp, phát triển nông - lâm nghiệp và du lịch tạo động lực phát triển đô thị.

6. Quy mô quy hoạch

6.1. Quy mô dân số

Dân số hiện trạng thị trấn Nà Phặc: 7.432 người; dự báo: Dân số đến năm 2030 khoảng 9.600 người, định hướng đến năm 2050 khoảng 13.500 người.

6.2. Quy mô sử dụng đất

Tổng diện tích quy hoạch là toàn bộ thị trấn Nà Phặc là 6.278ha. Trong đó:

- Đến năm 2030: Đất dân dụng là 183,28ha; đất ngoài dân dụng là 475,26ha; đất nông nghiệp và chức năng khác là 5.619,46ha.

- Định hướng đến năm 2050: Đất dân dụng là 227,1ha; đất ngoài dân dụng là 479,85ha, đất nông nghiệp và chức năng khác là 5.571,05ha.

Bảng cân bằng sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch

S T T	Nhóm chức năng/ Chức năng SDD	Giai đoạn 2021 - 2030			Giai đoạn 2030 - 2050		
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	m ² /ng	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	m ² /ng
	Tổng diện tích đất tự nhiên	6278	100		6278	100	
-	Đất xây dựng đô thị	658,54	10,49		706,95	11,26	
-	Đất khác	5.619,46	89,51		5.571,05	88,74	
A	Đất xây dựng đô thị	658,54	100,00		706,95	100,00	
I	Khu đất dân dụng	183,28	27,83		227,1	32,12	
1	Nhóm nhà ở	137,95	20,95		161,86	22,90	
<i>a</i>	<i>Đất ở hiện trạng</i>	<i>123,13</i>	<i>18,70</i>	<i>166,4</i>	<i>123,13</i>	<i>17,42</i>	<i>166,4</i>
<i>b</i>	<i>Đất ở mới</i>	<i>14,82</i>	<i>2,25</i>	<i>67,4</i>	<i>38,73</i>	<i>5,48</i>	<i>67,9</i>
2	Giáo dục	7,6	1,15		7,96	1,13	
a	Trường trung học phổ thông	1,96	0,30		1,96	0,28	
b	Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	5,64	0,86		6	0,85	
3	Dịch vụ - công cộng khác	3,95	0,60		6,11	0,86	
4	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,75	0,11		0,75	0,11	
5	Cây xanh sử dụng công cộng	5,5	0,84	5,7	15,47	2,19	11,5
6	Giao thông đô thị	27,53	4,18		34,95	4,94	

S T T	Nhóm chức năng/ Chức năng SDD	Giai đoạn 2021 - 2030			Giai đoạn 2030 - 2050		
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	m ² /ng	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	m ² /ng
II	Khu đất ngoài dân dụng	475,26	72,17		479,85	67,88	
1	Sản xuất công nghiệp, kho tàng	124,1	18,84		124,1	17,55	
<i>a</i>	<i>Công nghiệp, kho tàng</i>	20	3,04		20	2,83	
<i>b</i>	<i>Khoáng sản, vật liệu xây dựng</i>	104,1	15,81		104,1	14,73	
2	Dịch vụ, du lịch	148,85	22,60		148,85	21,06	
3	Trung tâm y tế	1,16	0,18		1,16	0,16	
4	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	2,27	0,34		2,27	0,32	
5	Cây xanh sử dụng hạn chế	12,46	1,89		12,46	1,76	
6	Di tích, tôn giáo	0,19	0,03		0,19	0,03	
7	An ninh	0,3	0,05		0,3	0,04	
8	Quốc phòng	82,65	12,55		83,72	11,84	
9	Giao thông đối ngoại	73,39	11,14	15,32%	73,83	10,44	15,39%
10	Hạ tầng kỹ thuật khác	29,89	4,54		32,97	4,66	
B	Khu nông nghiệp và chức năng khác	5.619,46			5.571,05		
1	Sản xuất nông nghiệp	462,29			462,29		
2	Lâm nghiệp	5.000,49			5.000,49		
<i>a</i>	<i>Rừng phòng hộ</i>	392,82			392,82		
<i>b</i>	<i>Rừng sản xuất</i>	4607,67			4607,67		

S T T	Nhóm chức năng/ Chức năng SDD	Giai đoạn 2021 - 2030			Giai đoạn 2030 - 2050		
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	m ² /ng	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	m ² /ng
3	Chưa sử dụng/dự trữ phát triển	94,6			45,15		
4	Hồ, ao, đầm	0,56			0,56		
5	Sông, suối, kênh, rạch	61,52			62,56		

7. Định hướng phát triển không gian đô thị

7.1. Hướng phát triển đô thị

Lấy trung tâm đô thị thị trấn Nà Phặc hiện trạng làm trung tâm đô thị, là cơ sở để phát triển các khu chức năng. Cụ thể:

- Phía Nam: Phát triển dọc theo Quốc lộ 3 tiếp giáp từ xã Hiệp Lực về trung tâm đô thị, với diện tích khoảng 53ha.

- Phía Bắc, Tây Bắc: Phát triển dọc theo Quốc lộ 279 từ trung tâm đô thị về xã Hà Hiệu, với diện tích khoảng 49,8ha.

- Phía Đông, Đông Bắc: Phát triển dọc theo Quốc lộ 3 từ trung tâm đô thị về Đèo Gió - thị trấn Vân Tùng, với diện tích khoảng 235,1ha.

7.2. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Phát triển không gian thị trấn theo mô hình các trục và hành lang phát triển với đường trục chính từ Quốc lộ 279 đến Đường Hồ Chí Minh là trục chủ đạo, các tuyến đường tránh, Quốc lộ 3, Quốc lộ 279, Đường Hồ Chí Minh là hành lang quan trọng, đường cao tốc là hành lang động lực mới.

- Hạt nhân đô thị là trung tâm hành chính chính trị hiện trạng, mở rộng xuống trung tâm công cộng mới của đô thị về phía Nam. Từ hạt nhân, tỏa đi các tuyến giao thông chính về các hành lang phát triển.

- Cải tạo chỉnh trang hiện trạng đô thị cũ, hoạch định phát triển mở rộng khu vực mới; sắp xếp, phân khu chức năng đô thị với các công trình công cộng và các khu dân cư hiện trạng.

- Đến năm 2030, về hướng Bắc sẽ phát triển khu vực hạt nhân đô thị tại Tiểu khu 2, Tiểu khu 3; khu dân cư đô thị mới sẽ phát triển tập trung tại khu vực Nà Pán; về hướng Tây sẽ phát triển chợ trung tâm tại giao lộ Quốc lộ 279 và đường tránh đô thị. Phía Bắc sẽ phát triển cụm công nghiệp tại tổ dân phố Nà Làm. Phía Đông sẽ phát triển khu du lịch sinh thái Nà Khoang tại các thôn Nà Nọi, Phia Đẳng.

7.3. Phân khu chức năng trong đô thị

a) Các đơn vị ở

Khu nội thị thị trấn Nà Phặc được tạo lập thành 01 đơn vị ở và 03 nhóm ở được chia bởi các đường Quốc lộ 3 và Quốc lộ 279, được giới hạn như sau:

- Đơn vị ở trung tâm đô thị: Là khu trung tâm hành chính, văn hóa xã hội, dịch vụ thương mại, được giới hạn trong phạm vi Tiểu khu 1, Tiểu khu 2, Tiểu khu 3, thôn Nà Duông, Nà Pán, Nà Này. Diện tích đơn vị ở khoảng 220,9ha. Dân số đến năm 2030 khoảng: 4.000 người.

- Nhóm ở phía Nam: Là trung tâm dịch vụ - sinh thái nông nghiệp, được giới hạn trong phạm vi một phần tiểu khu 1, các tổ dân phố Cốc Tào, Bản Cây, Bản Hòa. Diện tích đơn vị ở khoảng 1.753ha. Dân số đến năm 2030 khoảng: 2.100 người.

- Nhóm ở phía Đông: Là trung tâm dịch vụ - du lịch, được giới hạn trong phạm vi tổ dân phố Công Quán, Bản Mạch, Nà Nọi, Phia Chang, Mẫy Van, Lũng Lịa, Phia Đẳng, Lùng Nhã... Diện tích đơn vị ở khoảng 2.807,95ha. Dân số đến năm 2030 khoảng: 2.300 người.

- Nhóm ở phía Bắc: Là trung tâm dịch vụ - công nghiệp, được giới hạn trong phạm vi các tổ dân phố Cốc Pái, Nà Kềng, Nà Làm, Nà Duông... Diện tích đơn vị ở khoảng 1.496,15ha. Dân số đến năm 2030 khoảng: 1.200 người.

b) Trung tâm hành chính

Chỉnh trang khối cơ quan thị trấn hiện trạng tại khu Tiểu khu 3. Quy hoạch quảng trường, nhà văn hóa, Ban Chỉ huy Quân sự, Công an thị trấn tại khu vực này. Diện tích khoảng 3,13ha.

c) Khu thương mại dịch vụ

Tập trung phát triển tại khu vực ngã 4 đường tránh đô thị và đường Quốc lộ 279 (chợ trung tâm và siêu thị) với diện tích khoảng 1,8ha.

d) Trung tâm y tế, giáo dục đào tạo

Nâng cấp Phòng khám Đa khoa lên Trung tâm Y tế huyện cơ sở 2. Chuyển Trường Mầm non Nà Phặc đến vị trí trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông hiện trạng (cơ sở 2) tại Tiểu khu 2, thị trấn Nà Phặc. Chuyển trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông tại Tiểu khu 2, thị trấn Nà Phặc (cơ sở 2) về vị trí trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông hiện tại (cơ sở 1) tại Tiểu khu 3, thị trấn Nà Phặc hiện tại. Chính trang các trường hiện có trên địa bàn và bố trí các công trình trường mầm non tại các khu dân cư mới. Diện tích khoảng 2,95ha.

e) Trung tâm văn hóa thể dục thể thao

Quy hoạch mới tại vị trí dọc đường trục chính đô thị thuộc phía Đông thôn Nà Pán với diện tích khoảng 1,87ha.

g) Khu dịch vụ, du lịch

Khu du lịch sinh thái thác Nà Khoang tại khu vực tổ dân phố Nà Nọi; phù hợp với các hoạt động dã ngoại, ngắm cảnh.... Diện tích khu du lịch 148,85ha.

h) Khu ở

Chính trang cải tạo các khu ở hiện trạng. Quy hoạch các khu ở mới tại Tiểu khu 2, Tiểu khu 3, tổ dân phố Nà Này, Nà Pán với diện tích khoảng 38,73ha.

i) Công viên cây xanh

Quy hoạch khu công viên trung tâm kết hợp mặt nước suối Bản Mạch tại khu vực tổ dân phố Nà Này; quy hoạch các hoa viên trong các khu dân cư với quy mô diện tích khoảng 15,47ha.

k) Đất sản xuất nông nghiệp

Quy hoạch đất nông nghiệp tại các khu vực tổ dân phố Cốc Pái, Nà Tò, Bản Cây và Bản Hòa. Quỹ đất nông nghiệp trong đô thị có diện tích khoảng 462,29ha, định hướng hình thành các khu sản xuất nông nghiệp sạch, chất lượng cao; đồng thời, tạo quỹ đất dự trữ phát triển cho đô thị trong các giai đoạn quy hoạch sau với quy mô khoảng 45,15ha.

l) Đất cụm công nghiệp - vật liệu xây dựng

Quy hoạch cụm công nghiệp tại phía Bắc đô thị, chủ yếu chế biến khoáng sản, các sản phẩm nông lâm nghiệp, các sản phẩm da giày... có diện tích khoảng 20ha.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Hệ thống giao thông

*** Giao thông đối ngoại**

- Quy hoạch tuyến đường cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng có lộ giới là 100m; trong đó, bề rộng nền 22m, hành lang an toàn đường cao tốc mỗi bên là 29m, chiều rộng tuyến đường gom mỗi bên là 10m.

- Tuyến đường Quốc lộ 3: Nền rộng 26m, Bm = 16m, vỉa hè 5 x 2m.

- Tuyến đường Quốc lộ 279: Nền rộng 26m, Bm = 16m, vỉa hè 5 x 2m.

- Tuyến Đường Hồ Chí Minh: Nền rộng 26m, Bm = 16m, vỉa hè 5 x 2m.

* Giao thông nội thị: Mạng lưới đường đô thị được tổ chức theo dạng ô cờ, là sự kết hợp của các tuyến dọc (hướng chính Bắc - Nam) và ngang (hướng chính Đông Bắc - Tây Nam).

- Đường trục chính đô thị: Kết nối giữa đường Quốc lộ 3 và Đường Hồ Chí Minh, chiều rộng nền 26m, Bm = 15m, dải phân cách 02m, vỉa hè 4,5 x 2m.

+ Tuyến đường tránh thị trấn Nà Phặc: Chiều rộng nền 26m, Bm = 16m, vỉa hè 5 x 2m.

+ Mạng lưới đường giao thông đô thị khác được quy hoạch tới cấp đường phân khu vực.

- Đường liên khu vực: Với các đoạn thuộc đơn vị ở trung tâm chiều rộng nền 16,5m, Bm = 10,5m, vỉa hè 3 x 2m; các đoạn khác thì chiều rộng nền 16,5m, Bm = 7,5m, vỉa hè 4,5 x 2m.

- Đường cấp khu vực: Quy hoạch các tuyến đường mới kết hợp với cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện có đảm bảo quy mô đường khu vực. Lộ giới các tuyến đường khu vực là 11,5 - 16,5m.

*** Giao thông tĩnh**

+ Bến xe, bãi đỗ xe: Quy hoạch mới bến xe khách huyện Ngân Sơn nằm phía Nam thị trấn Nà Phặc, đoạn ngã ba giao cắt giữa Quốc lộ 3 và Đường Hồ Chí Minh.

+ Các điểm thăm quan du lịch, nơi vui chơi giải trí quy hoạch các bãi đỗ xe đảm bảo diện tích sử dụng.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa

- Giải pháp san nền

+ Đối với những khu vực tiếp giáp với khu dân cư được tôn nền đến cao độ đã xây dựng ổn định cần đảm bảo sự chuyển tiếp giữa nền khu đất xây dựng cũ và nền khu đô thị mới xây dựng.

+ Quy hoạch độ cao nền đảm bảo nguyên tắc thuận lợi thoát nước mặt, không bị ngập úng với khối lượng đào đắp là ít nhất.

+ San nền cục bộ, giạt cấp theo từng tổ hợp công trình của từng khu vực, hạn chế san gạt đồi núi, chủ yếu cân bằng đào đắp, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường.

- Giải pháp thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa trong khu vực được thiết kế riêng với mạng lưới thoát nước thải; tận dụng suối hiện có làm lưu vực thoát nước. Toàn bộ đô thị được chia thành 02 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Toàn bộ lưu vực thoát nước mưa của đơn vị ở trung tâm, nhóm ở phía Bắc, nhóm ở phía Nam được thu gom và thoát về suối Nà Phặc.

+ Lưu vực 2: Toàn bộ lưu vực thoát nước mưa của nhóm ở phía Đông được thu gom và thoát về suối Bản Mạch.

- Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác

+ Nạo vét và khơi thông các lòng suối hiện có, tạo cảnh quan môi trường và thoát nước cho khu vực.

+ Xây dựng hệ thống kè đảm bảo cảnh quan dọc hai bên các suối đoạn qua khu vực thiết kế.

+ Xây dựng hệ thống tường chắn khi xây dựng nhà và công trình trên sườn đồi để tránh sạt lở đất.

8.3. Hệ thống cấp điện

- Nhu cầu dùng điện: Giai đoạn đầu (đến năm 2030) là 24,176kVA; giai đoạn dài hạn (đến năm 2050) là 27,846kVA.

- Nguồn điện: TBA 110/35kV Nà Phặc, công suất 1x25MVA, cung cấp điện cho thị trấn Nà Phặc và các vùng lân cận.

- Trạm biến áp, lưới điện 35kV, lưới điện 0,4kV, lưới chiếu sáng: Cải tạo, nâng cấp phù hợp với công suất sử dụng điện, phạm vi phục vụ và đảm bảo mỹ quan đô thị.

8.4. Hệ thống thông tin liên lạc

- Nhu cầu thuê bao cố định: Giai đoạn đầu (đến năm 2030) là 3.036 số; giai đoạn dài hạn (đến năm 2050) là 4.269 số.

- Nhu cầu thuê bao di động: Giai đoạn đầu (đến năm 2030) là 4.858 số; giai đoạn dài hạn (đến năm 2050) là 6.831 số.

- Nhu cầu thuê bao internet: Giai đoạn đầu (đến năm 2030) là 2.429 thuê bao; giai đoạn dài hạn (đến năm 2050) là 3.416 thuê bao.

- Nguồn tín hiệu: Được lấy từ tổng đài tại huyện Ngân Sơn, thông qua đường trung kế đến các trạm vệ tinh đưa tới cấp cho khu vực đô thị.

- Định hướng phát triển viễn thông: Là hạ tầng thiết yếu cho phát triển kinh tế số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện. Dịch vụ viễn thông hướng tới các dịch vụ truyền thông được bao trùm kết nối toàn diện phục vụ cho phát triển đô thị thông minh.

- Chuyển mạch:

+ Đến năm 2030, cần một hệ thống chuyển mạch có tổng dung lượng là 10.323 thuê bao, định hướng đến năm 2050 cần 14.516 thuê bao.

+ Trong giai đoạn tới giữ nguyên cấu hình Host và các trạm vệ tinh đã có nhưng mở rộng dung lượng và nâng cấp thiết bị.

- Truyền dẫn: Nâng cao chất lượng dung lượng truyền dẫn cáp quang, tiếp tục đầu tư các tuyến cáp quang mới và hoàn thiện những mạch vòng để nâng cao độ tin cậy của mạng, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, internet băng thông rộng, Video phone,... .

- Mạng ngoại vi:

+ Tiếp tục xây dựng và mở rộng cáp gốc, cáp nhánh trong giai đoạn tới, đáp ứng tốc độ phát triển thuê bao và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

+ Hạ ngầm các loại cáp trên đường phố để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan, đồng bộ với cơ sở hạ tầng khác.

+ Các công, bể cáp và nắp bể được chuẩn hóa về kích thước cũng như kiểu dáng - theo quy chuẩn của ngành.

+ Vị trí và khoảng cách bể cáp cách nhau 60 - 80m.

+ Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiên ngoại, bố trí tại các ngã 3, ngã 4 tạo thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý sau này.

- Mạng di động

+ Khu vực quy hoạch đang sử dụng các mạng: Vinaphone; Mobifone, Viettel. Các nhà mạng tăng cường xây dựng mới, sử dụng chung trạm thu phát sóng để tăng chất lượng dịch vụ. Đồng thời, các nhà mạng thay thế dần cột ăng ten để đảm bảo mỹ quan đô thị.

+ Internet: Các nhà cung cấp dịch vụ sử dụng cáp quang băng rộng công nghệ FTTH.

8.5. Hệ thống cấp nước

- Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn đầu (đến năm 2030) khoảng 2.300 m³/ngđ; giai đoạn dài hạn (đến năm 2050) khoảng 3.800 m³/ngđ.

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: Quy hoạch vị trí xây mới bổ sung Nhà máy nước Nà Phặc có công suất 3.300 m³/ngđ. Nhà máy nước mới Nà Phặc dự kiến đặt ở phía Bắc thị trấn và gần vị trí khu đất quân sự. Nhà máy nước Nà Phặc hiện trạng vẫn khai thác từ nguồn nước mặt là suối Khuổi Chù với công suất 500 m³/ngđ.

- Giải pháp cấp nước: Nước sạch từ Nhà máy nước Nà Phặc được bơm vào mạng lưới cấp nước qua đường ống truyền dẫn, phân phối, dịch vụ cấp cho các đối tượng dùng nước.

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới truyền dẫn được tính toán đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 từ nhà máy nước đến các khu vực. Mạng truyền dẫn có kích thước D200mm, mạng phân phối có kích thước từ D100 đến D150mm. Mạng lưới dịch vụ cấp cho các hộ tiêu thụ nước có đường kính chủ yếu là D63 - D75mm.

- Cấp nước cho cứu hỏa sử dụng chung đường ống với hệ thống cấp nước dân dụng. Đường ống cấp chính cho các họng cứu hỏa nằm trên đường chính khu vực và đường phân khu vực, có đường kính ống từ D100mm trở lên. Khoảng cách giữa các họng là 150 - 300m.

8.6. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Tổng cộng nước thải cần thu gom và xử lý đến năm 2030 là 2.300 m³/ngđ, định hướng đến năm 2050 là 3.800m³/ngđ.

- Lựa chọn hệ thống thoát nước thải sinh hoạt là hệ thống thoát nước riêng, được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải và xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14:2015/BTNMT trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Nước thải công nghiệp sẽ được thu gom và xử lý riêng đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt được quy hoạch xây dựng ở phía Tây Bắc thị trấn, với công suất 3.800m³/ngđ, nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn của QCVN 14: 2015/BTNMT sẽ được xả ra suối Nà Phặc.

- Bố trí một trạm Xử lý nước thải công nghiệp cho cụm công nghiệp phía Bắc thị trấn, công suất 700m³/ngđ. Nước thải của cụm công nghiệp phía Nam sẽ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra suối Nà Phặc.

- Chất thải rắn

+ Giai đoạn đầu: Tiếp tục sử dụng khu xử lý chất thải rắn hiện trạng nằm cạnh đường Hồ Chí Minh, với công suất 4 - 5,6 tấn/ngày, sử dụng công nghệ lò đốt.

+ Giai đoạn sau: Dự kiến quy hoạch mới khu xử lý chất thải rắn nằm phía Tây Bắc thị trấn, với công suất 8 - 14 tấn/ngày, sử dụng công nghệ lò đốt.

- Nghĩa trang: Quy hoạch khu nghĩa trang tập trung cho thị trấn Nà Phặc ở Tiểu khu 3, với quy mô 02ha hoạt động đến năm 2030, sau đó đóng cửa thành lâm viên. Bố trí khu nghĩa trang tập trung mới khoảng 03ha, vị trí giáp núi phía Nam thôn Cốc Pái.

8.7. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được phân loại tại nguồn, thu gom và đưa về khu xử lý tập trung.

- Chú trọng việc trồng cây xanh tạo môi trường sinh thái cho đô thị xanh - sạch - đẹp. Tổ chức thu gom xử lý rác thải, nước thải trong đô thị đạt 100%.

- Trồng cây xanh hai bên trục đường giao thông và khu công viên ở những vị trí phù hợp; chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn với cây xanh mặt nước, tạo điểm nhấn cho đô thị. Tổ chức trồng cây xanh trong sân vườn, khuôn viên trong các cơ quan nhà nước, công trình công cộng, cụm công nghiệp.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

9.1. Giai đoạn đến năm 2030

- Các dự án xây dựng công cụ quản lý: Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị; lập quy hoạch chi tiết các khu chức năng theo định hướng phân khu trong nội dung quy hoạch.

- Các dự án xây dựng về giao thông

+ Xây dựng mới tuyến đường trục chính đô thị kết nối từ đường Quốc lộ 279 đến Đường Hồ Chí Minh, chiều dài khoảng 1.324m.

+ Xây dựng tuyến đường giao thông đi qua quảng trường và Ủy ban nhân dân thị trấn Nà Phặc, chiều dài khoảng 415m, mặt cắt ngang rộng 16,5m.

+ Xây dựng tuyến đường giao thông phía Nam trung tâm văn hóa thể thao, chiều dài khoảng 300m, mặt cắt ngang rộng 16,5m.

+ Xây dựng tuyến đường giao thông ven suối song song với đường Quốc lộ 3 phía sau trường mầm non, chiều dài tuyến khoảng 334m, mặt cắt ngang 16,5m.

- Các dự án phát triển khu dân cư, hạ tầng xã hội đô thị

- Thu hút mời gọi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới thôn Nà Này.

+ Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao đô thị Nà Phặc.

+ Xây dựng Trường Mầm non Nà Phặc.

+ Xây dựng Trường Mầm non Nà Khoang.

+ Xây dựng Trung tâm Y tế cơ sở 2.

+ Xây dựng chợ đô thị.

+ Xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự thị trấn.

+ Xây dựng quảng trường thị trấn.

+ Chỉnh trang suối khu vực qua trung tâm.

+ Xây dựng hạ tầng khu cụm công nghiệp.

- Các dự án đầu tư về hạ tầng kỹ thuật

+ Xây dựng Bến xe khách Ngân Sơn với diện tích 0,62ha.

+ Cải tạo nâng cấp Trạm cấp nước sạch Nà Phặc, hệ thống đường ống cấp nước.

+ Xây mới khu xử lý chất thải rắn phía Tây Bắc thị trấn.

+ Xây dựng mới khu nghĩa trang tập trung cho thị trấn Nà Phặc ở Tiểu khu 3 với quy mô 02ha.

+ Xây dựng hạ ngầm các công trình hạ tầng trong khu vực trung tâm đô thị và các khu vực xây dựng mới.

+ Cải tạo, nâng cấp đường dây 35kV sau trạm biến áp 110kV.

- Dự án du lịch: Xây dựng khu du lịch sinh thái Nà Khoang.

- Dự án phát triển công nghiệp: Xây dựng Cụm công nghiệp Nà Phặc tại tổ dân phố Nà Làm với quy mô diện tích là 20ha.

- Các dự án phát triển nông nghiệp

+ Phát triển khu vực cánh đồng tổ dân phố Cốc Tào, Bản Cây, Bản Hòa thành khu vực dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao.

+ Phát triển các dự án nông lâm nghiệp kết hợp.

9.2. Giai đoạn sau năm 2030

- Xây dựng các tuyến đường giao thông theo quy hoạch.

- Chính trang các con suối tạo cảnh quan cho đô thị.

- Xây dựng trung tâm thương mại cửa ngõ tại khu vực Đường Hồ Chí Minh.

- Xây dựng công viên trung tâm cạnh suối Bản Mạch.

- Thực hiện các dự án còn lại theo quy hoạch.

9.3. Nguồn lực thực hiện

- Tổng kinh phí xây dựng và phát triển đô thị đến năm 2030 dự kiến khoảng 2.946 tỷ đồng. Trong đó:

+ Thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước khoảng 1.312 tỷ đồng, từ nguồn vốn Trung ương, vốn của tỉnh và vốn của huyện.

+ Nguồn vốn xã hội hóa: Nguồn vốn từ mời gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án trong khu vực quy hoạch.

+ Các nguồn vốn khác: Vốn hỗ trợ của nước ngoài, vốn từ các công trình mục tiêu Quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Ban hành kèm theo quyết định phê duyệt.

11. Tổ chức thực hiện

11.1. Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn

- Chịu trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa ngay sau khi đồ án được phê duyệt, có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức lập các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung được duyệt làm cơ sở quản lý đất đai, kiến trúc đô thị và mời gọi đầu tư để phát triển đô thị.

- Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hằng năm thực hiện đầu tư, phát triển và nâng cấp đô thị.

- Đề xuất việc xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hóa trình cấp có thẩm quyền ban hành.

11.2. Sở Xây dựng

- Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc theo quy định làm cơ sở để quản lý kiến trúc, cấp giấy phép và quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

11.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai và môi trường trong đô thị; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được duyệt.

11.4. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, lĩnh vực quản lý, chủ động phối hợp thực hiện tốt Quy hoạch này.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung theo Quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đình Quang Tuyên